Để triệt để tiết kiệm sử dụng vàng bạc trong nền kinh tế quốc dân, và thống nhất quản lý việc mạ bằng vàng bạc thật, nay Thủ tướng Chính phủ quy định:

1. Việc mạ bằng vàng bạc thật phải đặt dưới sự quản lý thống nhất của Ngân hàng Nhà nước. Các cơ quan Nhà nước như Tổng cục Chính trị, Viện Huân chương, các tổ chức, các ngành kinh tế văn hóa cần mạ bằng vàng bạc các loại huân chương, huy chương hoặc cần dùng những loại sản phẩm mạ bằng vàng bạc đều phải lập kế hoạch xin cung cấp vàng bạc và giao số vàng bạc được cung cấp cho tổ chức chuyên trách về mạ vàng bạc do Ngân hàng Nhà nước trực tiếp quản lý.

Tư nhân cần mạ đồ dùng bằng vàng bạc cũng phải đem vàng bạc của mình đặt làm cho tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chuyên trách về vấn đề này.

2. Tổ chức chuyên trách về mạ vàng bạc là Công ty Mỹ nghệ vàng bạc và các cửa hàng vàng bạc của Ngân hàng Nhà nước.

3. Hợp tác xã thủ công và thợ thủ công cá thể không được trực tiếp nhận hàng của cơ quan Nhà nước hoặc của tư nhân để mạ bằng vàng bạc thật mà chỉ được làm những hàng do Ngân hàng Nhà nước gia công mà thôi.

4. Các tổ chức thương nghiệp, văn hóa phải cùng với các ngành có liên quan tích cực nghiên cứu tìm chất thay thế vàng, bạc trong việc sản xuất các mặt hàng tiêu dùng về mỹ nghệ để hết sức hạn chế việc mạ vàng bạc thật.

5. Các tổ chức thương nghiệp không được phép bán các chất hóa học dùng trong việc mạ vàng bạc cho hợp tác xã thủ công và thợ thủ công cá thể nếu không có giấy giới thiệu của Ngân hàng Nhà nước.

6. Ngân hàng Nhà nước phải nghiên cứu quy định các biện pháp cần thiết để quản lý việc mạ vàng bạc và phải cùng Ban Liên hiệp hợp tác xã thủ công nghiệp nghiên cứu kế hoạch chuyển nghề cho những người làm nghề mạ vàng bạc, trừ những hợp tác xã thủ công nghiệp mà Ngân hàng Nhà nước vẫn sử dụng trong việc gia công mạ bằng vàng bạc.

7. Các Sở, Ty Công nghiệp và thủ công nghiệp địa phương từ nay về sau không được cấp giấy đăng ký mạ vàng bạc cho các hợp tác xã thủ công nghiệp và cá thể; đồng thời phải kết hợp với việc chuyển nghề mà thu hồi đăng ký đã cấp đối với những người đã đủ điều kiện sinh sống bằng nghề khác.

Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thi hành và hướng dẫn thi hành thông tư này.

Hà-nội, ngày 5 tháng 10 năm 1964

K.T Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG

CHỈ THỊ số 91-TTg-VG ngày 6-10-1964 về việc tăng cường tiêu diệt bệnh sốt rét ở miền Bắc.

I. TÌNH HÌNH BỆNH SỐT RÉT TRƯỚC NGÀY CHÍNH PHỦ BAN HÀNH CHỦ TRƯƠNG TIÊU DIỆT BỆNH SỐT RÉT Ở MIỀN BẮC NƯỚC TA

Vùng rừng núi ở miền Bắc nước ta là vùng giầu có về lâm sản, khoáng sản, nhưng dưới chế độ phong kiến, đế quốc, nhân dân vùng này thường xuyên bị bệnh sốt rét tác hại: đa số bị bụng báng, da vàng, sức khỏe yếu mòn; phụ nữ mắc bệnh sốt rét thường bị sảy thai, đẻ non; trẻ em chết yểu. Do đó sức sản xuất bị giảm sút, đời sống nghèo nàn, lạc hậu.

Người dân tộc ít người khi mắc bệnh sốt rét thì cho là do ma bắt. Người miền xuôi sợ hãi vùng rừng núi là nơi « ma thiêng nước độc ».

Sau ngày hòa bình được lập lại, tình hình bệnh sốt rét ở miền Bắc cụ thể như sau:

	Tỷ lệ người sưng lá lách	Tỷ lệ người mang ký sinh trùng sốt rét
Thái-nguyên	41, 2%	9, 2%
Hà-giang	38,55%	10,76%
Bắc-cạn	37,42%	10,33%
Tuyên-quang	36,15%	15, 5%
Nghệ-an (miền núi)	45, 2%	8, 8%
Thái Mèo	28, 4% đến 57%	7, 7% v.v...
Nhiều nơi 80% nhân dân bụng báng.		

Ở các bệnh viện, bệnh xá, nhân dân ốm và chết về bệnh sốt rét chiếm tỷ lệ rất cao so với các bệnh khác.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

	Người mắc bệnh sốt rét so với tổng số người mắc các bệnh khác	Người chết vì bệnh sốt rét so tổng số người chết vì các bệnh khác
Thái Mèo	24,13%	21,42%
Tuyên-quang	47,13%	41,23%
Hà-giang	41,62%	22,22%

Ở các công trường, nông trường, xí nghiệp, một số lớn công nhân mắc bệnh sốt rét. Tỷ lệ người sưng lá lách so với tổng số công nhân như sau :

Mỏ apatite Lào-cai	17,45%
Nông trường sông Con	31, 3%
Nông trường Đông hiếu	20,21%
Nông trường Tây hiếu	30,09%
Công trường xây dựng mỏ thiếc Tĩnh-túc	8, 5%
Công trường xây dựng nhà máy thủy điện Tà-xa	19,19%

Công trường 111 Lai-châu có 34% nhân số mắc bệnh sốt rét ; trong 14 tháng có 120 người chết vì bệnh sốt rét và sưng phổi ; đội 46 cầu đường Lai-châu có 27 người chết thì 12 người chết vì bệnh sốt rét ác tính.

II. CHỦ TRƯƠNG VÀ KẾ HOẠCH TIÊU DIỆT BỆNH SỐT RÉT Ở MIỀN BẮC

Sau khi hòa bình lập lại, Đảng và Chính phủ coi việc tiêu diệt bệnh sốt rét là nhiệm vụ hàng đầu của công tác y tế ở miền núi. Nghị quyết của đại hội Đảng lần thứ III đã ghi rõ nhiệm vụ tiêu diệt bệnh sốt rét và Hội đồng Chính phủ trong phiên họp thường vụ tháng 5 năm 1961 quyết định tiến hành kế hoạch tiêu diệt bệnh sốt rét ở miền Bắc nước ta.

Nguyên tắc căn bản của việc tiêu diệt bệnh sốt rét là diệt muỗi truyền bệnh sốt rét và diệt hết ký sinh trùng sốt rét ở trong người.

Kế hoạch tiêu diệt bệnh sốt rét gồm bốn giai đoạn :

a) Giai đoạn chuẩn bị : 1957 — 1960. Nhiệm vụ của giai đoạn này là điều tra nghiên cứu tình hình bệnh sốt rét, nghiên cứu các biện pháp về tổ chức và kỹ thuật thích hợp trên một thí điểm rộng lớn (toàn tỉnh Thái-nguyên), tích cực chuẩn bị lực lượng vật chất, cán bộ cho giai đoạn sau. Cũng trong giai đoạn này, tiến hành tích cực chống bệnh sốt rét ở các vùng có nông trường, hầm mỏ, biên giới Lào Việt, dọc theo các đường giao thông chính ở Tây bắc.

b) Giai đoạn tấn công bệnh sốt rét trên toàn miền Bắc : 1961 — 1965. Nhiệm vụ chủ yếu của giai đoạn này là phun thuốc DDT diệt muỗi truyền bệnh, mỗi năm một lần, liên tục trong thời gian 3, 4 năm, đồng thời xây dựng cơ sở y tế xã, y tế hợp tác xã để phát hiện bệnh sốt rét (lấy máu, thử ký sinh trùng...) và cho những người mắc bệnh sốt rét uống thuốc.

c) Giai đoạn củng cố : từ ba đến năm năm. Khi các cơ sở y tế xã, hợp tác xã được vững chắc, bảo đảm phát hiện tốt bệnh sốt rét, khi số người mắc bệnh sốt rét có ký sinh trùng ở một vùng chỉ còn 5‰ trong tổng số nhân dân, khi các trẻ em dưới hai tuổi không còn em nào bị bệnh sốt rét thì vùng đó sẽ chuyển sang giai đoạn củng cố. Trong giai đoạn này, nhiệm vụ chủ yếu là phát hiện cho được bệnh nhân sốt rét còn sót và điều trị kịp thời ; chỉ phun thuốc DDT ở những nhà có người mắc bệnh sốt rét và những nhà chung quanh.

d) Giai đoạn bảo vệ những thành quả đã đạt được : khi bệnh sốt rét không còn nữa, công tác chủ yếu là không cho bệnh sốt rét ở nước ngoài thâm nhập vào miền Bắc, phát hiện kịp thời và tiêu diệt cấp tốc các ổ dịch bệnh sốt rét có thể xảy ra.

III. KẾT QUẢ THI HÀNH CHO ĐẾN NAY

Giai đoạn điều tra nghiên cứu làm thí điểm đã hoàn thành tốt. Giai đoạn tấn công của kế hoạch tiêu diệt bệnh sốt rét bắt đầu từ năm 1961.

Hàng năm những vùng có bệnh sốt rét đã được phun thuốc DDT một lần ; đến nay 3.007 xã trong 183 huyện của 28 tỉnh có bệnh sốt rét đã được phun thuốc DDT, bảo vệ 5.300.000 người. Những người mắc bệnh sốt rét đều được điều trị.

Bệnh sốt rét ở các nhà máy, nông trường, hầm mỏ, hợp tác xã khai hoang đã giảm nhiều so với mấy năm về trước. Ở tỉnh Thái-nguyên, tỷ lệ người sưng lá lách từ 41,2% năm 1957 xuống 3,15% năm 1961 ; tỷ lệ người mang ký sinh trùng sốt rét từ 9,2% năm 1957 xuống 0,018% năm 1963. Số bệnh nhân vào điều trị và chết vì bệnh sốt rét ở các bệnh viện, bệnh xá ở vùng có bệnh sốt rét hạ thấp rất rõ rệt.

Tỷ lệ bệnh nhân mắc bệnh sốt rét so với tổng số bệnh nhân mắc các bệnh khác :

	1958	*1963*
Thái Mèo	24,13%	7,93%
Tuyên-quang	47,13%	16,28%

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

	1958	1963
Hà-giang	41,62%	5,64%
Yên-bái	52,54%	5,14%

Bệnh nhân chết vì bệnh sốt rét so với tổng số bệnh nhân chết vì các bệnh khác:

	1958	1963
Thái Mèo	21,41%	0,039%
Tuyên-quang	46,25%	0,85 %
Hà-giang	22,22%	0,41 %

Ở các công trường, nông trường, nhà máy, tỷ lệ người mắc bệnh sốt rét so với tổng số công nhân nói chung giảm xuống rất thấp trong 6 tháng đầu năm 1964:

Nông trường Tây hiếu	0,15%
Nông trường Đông hiếu	0,32%
Nông trường sông Con	0,85%
Xí nghiệp apatite Lao-cai	0,85%
Mỏ thiếc Cao-bằng	0,31%
Khu gang thép Thái-nguyên	0,01%
Công trường thủy điện Thác-bà	0,04%

Các xã viên hợp tác xã khai hoang đều khỏe mạnh, tỷ lệ ốm đau hàng ngày không cao hơn lúc còn ở đồng bằng.

Chúng ta đã chuyển 500 xã qua giai đoạn củng cố, trong đó có toàn tỉnh Thái-nguyên và 2/3 số xã vùng núi Nghệ-an.

Ngày nay, bệnh sốt rét đã giảm thấp nên sức khỏe của đồng bào miền núi được tăng dần, nạn đẻ dẻ không có nuôi coi như không còn nữa. Trẻ em hồng hào, người lớn khỏe mạnh. Dân số miền núi phát triển đông vui hơn trước. Nạn mê tín dị đoan giảm nhiều. Sức sản xuất tăng lên rõ rệt. Đời sống được nâng cao dần. Những vùng trước đây có tiếng là «ma thiêng nước độc» thì nay ở đó nhà máy, nông trường đang mọc lên ngày một thêm nhiều. Hàng chục vạn đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế miền núi đang cùng đồng bào các dân tộc xây dựng miền núi thành những vùng kinh tế phồn vinh của Tổ quốc.

IV. NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC TIÊU DIỆT BỆNH SỐT RÉT

Đạt được những thành tích trên là nhờ sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp, sự tham gia tích cực của nhân dân, của các đoàn thể và các ngành. Tuy nhiên những thắng lợi trên chỉ là những kết quả bước đầu vì bệnh sốt rét chưa bị tiêu diệt hoàn toàn; bệnh sốt rét còn có thể trở lại, nếu chúng ta không quyết tâm tiêu diệt triệt để nó.

Hiện nay trong cán bộ lãnh đạo và nhân dân có tư tưởng thỏa mãn với kết quả đã đạt được, cho là bệnh sốt rét không còn nữa và coi nhẹ công tác tiêu diệt bệnh sốt rét.

Nhiều Ủy ban hành chính tỉnh, huyện buông lơi việc chỉ đạo công tác tiêu diệt bệnh sốt rét, thiếu kiểm tra đôn đốc cấp dưới thi hành. Nhân dân chưa được giáo dục về nhiệm vụ cần phải làm như bảo vệ thuốc DDT đã phun, khai báo khi mắc bệnh sốt, cho thử máu để phát hiện bệnh sốt rét và điều trị triệt để.

Một số ngành chưa tích cực lãnh đạo công tác tiêu diệt bệnh sốt rét trong các cơ sở sản xuất, xây dựng của mình ở các vùng rừng núi.

Các xã đã chuyển sang giai đoạn củng cố còn xem thường công tác phát hiện bệnh sốt rét.

Các công trình thủy lợi ngày càng phát triển thêm nhiều, nhưng chúng ta vẫn chưa có kế hoạch ngăn ngừa muỗi sốt rét phát triển và truyền đi theo các bể chứa nước và các kênh máng.

Tổ chức trạm sốt rét tỉnh, huyện chưa được kiện toàn, thiếu biên chế, cơ sở y tế xã còn non yếu. Ở nhiều xã, cán bộ y tế không có cấp phí, cán bộ y tế hợp tác xã không được thù lao trong những ngày làm công tác y tế, chỉ hoạt động trong đợt phun thuốc DDT rồi đi làm công tác khác, không làm được đầy đủ nhiệm vụ phát hiện và điều trị bệnh nhân sốt rét.

Ở đồng bằng, chúng ta cho là không có bệnh sốt rét thì nay đã phát hiện có bệnh sốt rét, dịch sốt rét đã xảy ra ở một số xã thuộc hai tỉnh Nam-định và Thái-bình và có khả năng lan tràn sang vùng khác.

Tiêu diệt bệnh sốt rét là công tác của toàn Đảng, toàn dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Ủy ban hành chính các cấp phải chỉ đạo chặt chẽ các ngành, các giới ra sức thi hành công tác này.

V. NHỮNG CÔNG VIỆC CẤP THIẾT CÒN PHẢI LÀM

Năm 1964 và 1965 là năm cuối của giai đoạn tấn công bệnh sốt rét để chuyển qua giai đoạn củng cố. Để bảo vệ thành quả đã đạt được và tiến tới tiêu diệt bệnh sốt rét hoàn toàn trên toàn miền Bắc nước ta, Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Hội nghị thường vụ ngày 12 tháng 8 năm 1964 đã quyết định:

1. Chính quyền các cấp cần tăng cường chỉ đạo công tác tiêu diệt bệnh sốt rét, cụ thể là:

Điều quan trọng bậc nhất là chống tư tưởng chủ quan cho là bệnh sốt rét không còn nữa; cần làm cho cán bộ và nhân dân thấy rõ sự cần

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

thiết phải bảo vệ những thành quả đã đạt được đề ra sức đẩy mạnh công tác tiêu diệt bệnh sốt rét.

Cần phải củng cố Ủy ban tiêu diệt bệnh sốt rét các cấp, củng cố và phát triển cơ sở y tế xã, hợp tác xã, cần giúp đỡ cho cán bộ y tế xã có cấp phí thường xuyên, cán bộ y tế hợp tác xã được thù lao trong khi làm công tác y tế để cán bộ y tế hoạt động được liên tục trong công tác phát hiện bệnh, lấy máu để xét nghiệm và điều trị kịp thời những bệnh nhân sốt rét còn sót lại. Cần xây dựng trạm tiêu diệt bệnh sốt rét tỉnh và tổ tiêu diệt bệnh sốt rét huyện; bố trí hàng ngũ cán bộ làm công tác tiêu diệt bệnh sốt rét cho hợp lý theo chỉ tiêu biên chế của kế hoạch Nhà nước.

2. Các ngành có cơ sở sản xuất, xây dựng ở miền núi như Bộ Công nghiệp nặng, Bộ Nông trường, Bộ Thủy lợi, Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Khai hoang... cần tích cực chỉ đạo các cơ sở trực thuộc thực hiện tốt công tác tiêu diệt bệnh sốt rét.

3. Bộ Y tế cần có kế hoạch nghiên cứu toàn bộ bệnh sốt rét ở đồng bằng và có kế hoạch khẩn trương tiêu diệt bệnh sốt rét ở hai tỉnh Thái-bình và Nam-định.

Bộ Thủy lợi, Bộ Y tế và Cục Điện lực cần nghiên cứu và thi hành các biện pháp phòng muỗi sốt rét phát triển và lan truyền theo các bể chứa nước và các kênh máng.

4. Các ngành giáo dục, văn hóa, có nhiệm vụ phối hợp với các đoàn thể như thanh niên, phụ nữ... tích cực tuyên truyền giáo dục nhân dân ra sức thi hành công tác tiêu diệt bệnh sốt rét.

Hà-nội, ngày 6 tháng 10 năm 1964.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG

QUYẾT ĐỊNH số 93-TTg-TN ngày 8-10-1964 về điều chỉnh giá thu mua muối nấu.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào nghị quyết số 59 ngày 6 tháng 4 năm 1964 của Hội đồng Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển sản xuất muối;

Sau khi lấy ý kiến của Hội đồng Vật giá;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Để góp phần khuyến khích sản xuất hơn nữa, nay đồng ý cho Bộ Công nghiệp nhẹ chính thức điều chỉnh giá thu mua muối nấu ở các địa phương đã có sản xuất muối nấu như sau:

— Ở Nam-định điều chỉnh từ 0đ088 lên 0đ115 một ki-lô;

— Ở Thái-bình điều chỉnh từ 0đ088 lên 0đ11 một ki-lô;

— Ở Kiến-an cũ điều chỉnh từ 0đ086 lên 0đ10 một ki-lô;

— Ở Hải-phòng cũ điều chỉnh từ 0đ085 lên 0đ095 một ki-lô;

— Ở Quảng-ninh điều chỉnh từ 0đ08 lên 0đ09 một ki-lô.

Đối với các địa phương mới sản xuất muối nấu, quy định giá thu mua như sau:

— Ở Thanh-hóa 0đ125 một ki-lô;

— Ở Nghệ-an 0đ135 một ki-lô;

— Ở Hà-tĩnh 0đ135 một ki-lô.

Việc phát triển sản xuất muối nấu ở các địa phương thuộc liên khu 4 cũ phải được tính toán và chuẩn bị kỹ về các mặt. Bộ Công nghiệp nhẹ cần bàn bạc với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Nội thương, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Vật tư và Ủy ban hành chính các tỉnh này về kế hoạch sản xuất, vận chuyển và cung cấp nguyên vật liệu, cũng như kế hoạch tiêu thụ... cho tốt và có lợi nhất.

Điều 2. — Đối với muối nấu ở vùng mới khai hoang, Nhà nước sẽ trợ cấp thêm 0đ01 một ki-lô trong thời gian 2 năm như tinh thần quyết định số 24-TTg ngày 16-4-1963 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. — Đi đôi với việc điều chỉnh giá thu mua trên đây, Bộ Nội thương cần chú ý quy định giá cung cấp than và nguyên vật liệu khác theo đúng phẩm chất và giá cả đã quy định (than và nguyên vật liệu khác xấu hơn thì phải hạ giá cung cấp xuống cho tương xứng với phẩm chất). Bộ Giao thông vận tải cần nghiên cứu trình Chính phủ quyết định việc điều chỉnh giá cước vận tải xuống cho hợp lý để trên cơ sở đó mà hạ giá thành sản xuất, tăng thêm thu nhập cho diêm dân.

Ngoài ra, Bộ Công nghiệp nhẹ cần phối hợp với Bộ Nội thương và các Ủy ban hành chính tỉnh chỉ đạo việc cung cấp hàng hóa tiêu dùng đến tận tay diêm dân cũng như việc trao đổi, bán thưởng hàng hóa của Chính phủ đã ban hành cho tốt.

Điều 4. — Căn cứ vào giá thu mua điều chỉnh trên đây, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cần quy định lại giá điều động nội bộ muối nấu (cũng như muối phơi trước đây đã được điều chỉnh giá thu mua) cho hợp lý.

Điều 5. — Ông Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, các ông Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com